

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 10/2022/HSST
Ngày 20 tháng 7 năm 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Tám.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hương
2. Ông Phạm Văn Nhất

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 23/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 30/6/2022, đối với các bị cáo:

1. Dương Văn Q, sinh năm 1991 tại thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố NS, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình T (*Đã chết*) và bà Dương Thị S, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/3/2022 đến ngày 01/4/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam, có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1989 tại xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn K1, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc L, sinh năm 1961 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1966; có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1986 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/4/2017, bị Công an huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền, ngày 21/4/2017 chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/02/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam, có mặt.

3. Phạm Văn Th, sinh ngày 05/01/2003 tại xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh

Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/02/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam, có mặt.

4. Phạm Văn T1, sinh năm 2000 tại xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1976; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/02/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn K1, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người chứng kiến:

Anh Nguyễn Hữu Nh, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn LT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 10 phút, ngày 27/01/2022, tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn Khu 1, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, Công an huyện Lang Chánh và Công an xã Giao Thiện bắt quả tang Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 đang có hành vi cất giấu một gói giấy bạc, bên trong có chứa 01 túi ni lông màu xanh chứa 49 (*Bốn mươi chín*) viên nén màu hồng và 01 (*Một*) viên nén màu xanh nghi là ma túy.

Từ các chứng cứ đã thu thập cho thấy: Ngày 27/01/2022, Phạm Văn T nhắn tin bằng ứng dụng Messenger đến tài khoản có tên “*Bóng tối và tôi*” của Dương Văn Q hỏi mua 50 viên ma túy tổng hợp, loại hồng phiến. Q đồng ý bán cho T 50 viên ma túy với giá 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Sau khi trao đổi xong, T sử dụng ứng dụng trên điện thoại để chuyển số tiền 2.700.000 đồng từ tài khoản 0962280236 của T mở tại Ngân hàng TMCP Liên Việt (LienVietPostBank) đến tài khoản 060619916789 của Dương Văn Q mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) để thanh toán tiền mua ma túy. Khi nhận được tiền, Q mượn xe mô tô của một khách hàng đang hát ở quán Karaoke nơi quyết làm việc đi đến khu vực cầu làng Ngòn, thị trấn Ngọc Lặc. Q sử dụng tiền mặt sẵn có mua với một người đàn ông không quen biết 50 viên ma túy tổng hợp với giá 2.500.000 đồng về bán

lại cho Phạm Văn T với giá 2.700.000 đồng , được lãi 200.000 đồng. Về phía Phạm Văn T, do có việc bận nên T đã nhắn tin cho Phạm Văn Th, nhờ Th đi đến thị trấn Ngọc Lặc lấy ma túy, lúc này Th đang ngồi cùng Phạm Văn T1 nên đã nói cho T1 biết việc T nhờ đi Ngọc Lặc lấy ma túy. Nghe Th nói vậy, T1 lấy điện thoại của Th nhắn tin cho T với nội dung “*Em T1 đây, bây giờ em với Th đi nhá anh*”. Sau khi trao đổi xong, T1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại AIR BLADE, biển kiểm soát: 36H1-064.50 chở Th đi thị trấn Ngọc Lặc.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T1 và Th đến thị trấn Ngọc Lặc, Th gọi đến số điện thoại 0937.371.991 Dương Văn Q đang sử dụng để hỏi địa điểm nhận ma túy, Q hẹn gặp T1, Th ở đoạn đường Hồ Chí Minh gần khu vực Đội Kiểm lâm cơ động số 02, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến chỗ hẹn, Q nhìn thấy T1 và Th đứng cách mình khoảng 50 mét, Q gọi điện xác nhận đúng là người đến nhận ma túy, nên Q ném bao thuốc lá có chứa ma túy xuống lề đường và dùng tay ra hiệu cho T1 và Th đến lấy.

Sau khi lấy được ma túy, T1 và Th điều khiển xe mô tô đi về thôn K1, xã GT, huyện LC để giao ma túy cho T. Khi về gần đến điểm hẹn, Th thấy có Tổ công tác Công an huyện Lang Chánh và Công an xã Giao Thiện đang kiểm tra Phạm Văn T về hành vi không đeo khẩu trang phòng, chống dịch Covid-19. Lo sợ bị phát hiện, nên Th ném gói giấy bạc chứa ma túy mới nhận từ Dương Văn Q xuống đường. Phát hiện có biểu hiện nghi vấn, Tổ công tác Công an huyện Lang Chánh và Công an xã Giao Thiện tiến hành kiểm tra, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Th, T1 và T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và các tình tiết liên quan đến vụ án; thừa nhận số ma túy trên T mua của Q, T nhờ Th và T1 đi lấy hộ về nhằm mục đích tàng trữ để sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số: 678/KL-KTHS ngày 29/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 49 (*Bốn chín*) viên nén màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,750g (*Bốn phẩy bảy năm không gam*) loại: Methamphetamine.

- 01 (*Một*) viên nén màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,101g (*Không phẩy một không một gam*) loại: Methamphetamine.

Theo Công văn số 41/MB-THO ngày 25/02/2022 của Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thanh Hóa, thì số tài khoản 060619916789 là của Dương Văn Q (*Các thông tin của chủ tài khoản trùng với thông tin cá nhân của Dương Văn Q*). Số bút toán FT22027493810283 ngày 27/01/2022 thể hiện, số tài khoản 060619916789 thụ hưởng số tiền 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) từ người chuyển tiền Phạm Văn T.

Theo Công văn số 363/MOBIFONE6-DVKT-CSKH ngày 20/4/2022 của Công ty dịch vụ MOBIFONE khu vực 6, Tổng công ty viễn thông MOBIFONE, thì số thuê bao 0937.371.991 được đăng ký tên Lê Anh Tuấn, sinh ngày

05/3/1977; địa chỉ: Khu 3, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Dương Văn Q khai nhận, số thuê bao trên Tuấn đã cho Q cách đây gần 01 năm, trước khi Tuấn đi chấp hành án, từ đó đến nay số thuê bao này chỉ có mình Q sử dụng. Tại phụ lục kèm theo Công văn xác định, ngày 27/01/2022 số thuê bao 0937.371.991 phát sinh các cuộc gọi, cụ thể: Cuộc gọi đến từ số thuê bao 0962.280.236 (của Phạm Văn T) vào hồi 13 giờ 17 phút 45 giây; các cuộc gọi đến từ số thuê bao 0338.342.812 (của Phạm Văn Th) vào hồi 14 giờ 17 phút 01 giây, 14 giờ 22 phút 05 giây và 14 giờ 23 phút 59 giây.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu T1 và 45 (Bốn mươi lăm) viên nén màu hồng có tổng khối lượng 4,365g (Bốn phẩy ba sáu năm gam); 0,076g (Không phẩy không bảy sáu gam) chất bột màu xanh. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A71 (2018) vỏ ngoài màu xanh-đen, số IMEI1:868499030058734, số IMEI2: 868499030058726, thu giữ của Phạm Văn T.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A73, màu đen-đỏ, số IMEI 1:868054035281458, số IMEI 2: 868054035281441, thu giữ của Phạm Văn Th.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE, loại iPhone 11, màu trắng, viền màn hình màu đen, số seri: DNPZRUD2N72K, thu giữ của Dương Văn Q.

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, kiểu loại Win100, số máy: HABE-1006370, số khung: BOOTTK0066313, biển kiểm soát 36F1-4315, thu giữ của Phạm Văn T.

Tất cả các vật chứng, tài sản trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKS-LC ngày 23/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh.

Theo lời khai của Dương Văn Q, số tiền bán ma túy cho Phạm Văn T 2.700.000 đồng, Q đã chi tiêu hết.

Đối với 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, kiểu loại AIR BLADE, biển kiểm soát 36H1-064.50. Cơ quan điều tra xác định, chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị Linh là chị gái của Phạm Văn T1. Chị Linh không biết T1 sử dụng xe để đi mua ma túy, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Linh.

Dương Văn Q khai, nguồn gốc số ma túy bán cho Phạm Văn T là do Q mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực cầu làng Ngòn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc. Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch của người này, nên không có căn cứ để xử lý.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-LC ngày 23/5/2022 của VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, truy tố Dương Văn Q về tội “Mua bán trái phép chất ma

túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q; xử phạt Dương Văn Q từ 52 (*Năm mươi hai*) đến 54 (*Năm mươi tư*) tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, Th và T1; xử phạt Phạm Văn T từ 45 (*Bốn mươi lăm*) đến 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tù; xử phạt Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo từ 40 (*Bốn mươi*) đến 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo tính từ ngày tạm giữ. Phạt bổ sung Dương Văn Q từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo T, Th và T1. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định, do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 điện thoại các bị cáo đã sử dụng vào việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.700.000 đồng do bị cáo Q phạm tội mà có; trả lại cho Phạm Văn T và Phạm Thị H chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Win 100, biển kiểm soát 36F1-4315. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Dương Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 thành khẩn nhận tội; không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Win 100, biển kiểm soát 36F1-4315, vì chiếc xe là tài sản chung của chị và Phạm Văn T và là tài sản có giá trị lớn, phương tiện đi lại duy nhất của gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án

và lời khai của người tham gia tố tụng khác, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ, ngày 27/01/2022 Phạm Văn T và Dương Văn Q nhắn tin với nhau thỏa thuận về việc mua bán trái phép chất ma túy. Theo đó, Q đã bán cho T 50 (*Năm mươi*) viên ma túy tổng hợp (*gồm 49 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh*) với giá 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). T đã thanh toán tiền mua ma túy cho Q bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 0962280236 của T mở tại Ngân hàng Lienvietpostbank đến tài khoản 060619916789 của Q mở tại Ngân hàng MB, Q đã giao ma túy cho Th và T1 là những người được T nhờ nhận ma túy giúp T. Như vậy, giao dịch mua bán trái phép chất ma túy giữa Q và T đã hoàn thành. Kết quả giám định: 50 (*Năm mươi*) viên ma túy tổng hợp mà Q bán cho T do Th và T1 đang cất giấu khi bị bắt quả tang có tổng khối lượng 4,851g (*Bốn phẩy tám năm một gam*) loại: Methamphetamine. Q mua chất ma túy để bán lại nhằm kiếm lời, như vậy hành vi của Q đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. T mua chất ma túy với mục đích tàng trữ để sử dụng nên hành vi của T đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; biết rõ T có mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng Th và T1 vẫn vận chuyển chất ma túy giúp T để được T cho sử dụng chung chất ma túy. Như vậy, hành vi của Th và T1 đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với vai trò giúp sức.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, truy tố bị cáo Dương Văn Q về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015; truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về mua bán, quản lý và sử dụng chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm, đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo. Hành vi của Dương Văn Q đã cấu thành một tội phạm độc lập, nên Q không phải là đồng phạm với T, Th và T1. Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 có ý cùng thực hiện tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Phạm Văn T là người khởi xướng, chi tiền mua ma túy và rủ người nghiện ma túy khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác; Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 cùng là người thực hành, trực tiếp cất giữ chất ma túy giúp T nên Th và T1 có vai trò giúp sức trong tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, mức độ thực hiện hành vi của Th và T1 là ngang nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự bằng nhau và thấp hơn bị cáo T.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị

cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; theo xác nhận của chính quyền địa phương thì bị cáo Q tích cực và có nhiều đóng góp vào chương trình phòng, chống dịch bệnh Covid-19 ở địa phương; có ông nội và bác ruột là người có công với cách mạng, nên đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Q; các bị cáo T, Th và T1 đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng miền núi, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, riêng bị cáo Q được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, riêng bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nay lại phạm tội. Các bị cáo không có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Dương Văn Q phạm tội về ma túy, mua bán chất ma túy nhằm mục đích kiếm lời, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Q mới có tác dụng răn đe, giáo dục, góp phần ngăn ngừa bị cáo tiếp tục phạm tội và ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội. Các bị cáo T, Th và T1 phạm tội về ma túy, nhưng các bị cáo là lao động tự do, không có việc làm, thu nhập ổn định và là thành viên trong hộ cận nghèo, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với số vật chứng gồm: Toàn bộ vỏ gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu T1 và số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 (Ba) chiếc điện thoại Dương Văn Q, Phạm Văn T và Phạm Văn Th đã sử dụng vào việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 2.700.000 đồng Q bán ma túy cho T là tiền do phạm tội mà có, nên buộc Q phải giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, kiểu loại Win100, biển kiểm soát 36F1-4315. Kết quả điều tra xác định được, chiếc xe này là tài sản chung của Phạm Văn T và Phạm Thị H (vợ của T). T đã sử dụng đi đến điểm hẹn với Th và T1 để nhận ma túy, nhưng T chưa nhận được chất ma túy thì Th và T1 đã bị bắt. Như vậy, chiếc xe này chưa tham gia vào việc cất giấu chất ma túy, không phải là phương tiện phạm tội, nên không tịch thu mà trả lại cho Phạm Văn T và Phạm Thị H. Giao cho Phạm Thị H đại diện nhận lại chiếc xe trên.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại AIR BLADE, biển kiểm soát 36H1-064.50. Cơ quan điều tra đã xử lý trong quá trình điều tra. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Dương Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn Q phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn Q.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Q 52 (*Năm mươi hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/3/2022.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 45 (*Bốn mươi lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2022.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Th 40 (*Bốn mươi*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2022.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T1 40 (*Bốn mươi*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2022.

Phạt bổ sung Dương Văn Q 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn T1.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ vật chứng gồm: 01 (*Một*) phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, đựng toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu T1 và 45 (*Bốn mươi lăm*) viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 4,365g (*Bốn phẩy ba sáu năm gam*); 0,076g (*Không phẩy không bảy sáu gam*) chất bột màu xanh.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 (*Ba*) điện thoại di động, trong đó: 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại A71 (2018) vỏ ngoài màu xanh-đen, số IMEI1:868499030058734, số IMEI2: 868499030058726; 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại A73, màu đen-đỏ, số IMEI 1:868054035281458, số IMEI 2: 868054035281441; 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu IPHONE, loại Iphone 11, màu trắng, viền màn hình màu đen, số seri: DNPZRUD2N72K.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 26/5/2022.

- Truy thu của Dương Văn Q số tiền 2.700.000 đồng do Q phạm tội mà có

để sung vào ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho Phạm Văn T và Phạm Thị H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại Win100, biển kiểm soát 36F1-4315, giao cho Phạm Thị H đại diện nhận lại chiếc xe trên. Chiếc xe đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 26/5/2022.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với các bị cáo Q, T, Th và T1. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo Dương Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn Th, Phạm Văn T1 được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Lang Chánh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám